

Phụ lục 2A

THÔNG TIN TÀI SẢN LÀ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN 01 ĐIỂM MỎ NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024 (KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẦU ĐỢT 1) - ĐÃ CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-STNMT ngày/...../2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Loại Khoáng sản	Tọa độ		Diện tích (ha)	Địa điểm	Số hiệu QHKS	Ký hiệu mỏ	Trữ lượng địa chất tính giá khởi điểm (m3)	Giá khởi điểm làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Bước giá làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Tiền đặt trước làm tròn đến 100.000 đồng (đồng)	Năng lực tài chính tối thiểu (đồng), để đánh giá tiêu chí vốn chủ sở hữu	Thông tin về điều kiện mỏ	Mức thu tiền bán hồ sơ (đồng)	Chi phí hoàn trả tiền thăm dò (nếu có)
		X (m)	Y (m)												
I. Huyện Tuy Phước (01 mỏ)															
1	Đá làm VLXD TT	1.530.626	592.567	27	xã Phước An	186	ĐGTD-03	7.058.219	27.370.900.000	1.368.500.000	4.105.700.000	28.382.400.000	- UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 18/7/2011 (Công ty CP Vận tải Dầu Khí thực hiện việc thăm dò). - UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương đấu giá quyền KTKS tại văn bản số 6001/UBND-KT ngày 14/10/2022	500000	450.000.000 đồng (theo Báo cáo thăm dò đã được phê duyệt), chi phí thực tế sẽ được xác nhận sau khi có đơn vị trúng đấu giá
		1.530.766	592.872					746.588							
		1.530.748	593.005												
	đất san lấp	1.530.837	593.133												
		1.530.565	593.305												
		1.530.107	592.961												

Tổng số mỏ điểm mỏ đã có kết quả thăm dò 01 điểm mỏ